TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2024/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2024/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm C, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh T trình bày, qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ngày 05/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến khoảng giữa tháng 9 năm 2020 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về cách sống cũng như quan điểm sống, dẫn đến bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi vả, làm cho hạnh phúc gia đình ngày càng rạng nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, chị N và anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Chị N và anh T xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Đặng Thiên A, sinh ngày 01/8/2016 và Nguyễn Đặng Thiên K, sinh ngày 07/8/2020. Khi ly hôn, chị N và anh T thống nhất giao Nguyễn Đặng Thiên A cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi và giao Nguyễn Đặng Thiên K cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung:* Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Chị N và anh T đều xác định không có.

[5] *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị N và anh T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị N và anh T xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Đặng Thiên A, sinh ngày 01/8/2016 và Nguyễn Đặng Thiên K, sinh ngày 07/8/2020. Khi ly hôn, chị N và anh T thống nhất giao Nguyễn Đặng Thiên A cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi; giao Nguyễn Đặng Thiên K cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh S, chị S hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

1.3. Về tài sản chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị N và anh T mỗi người tự nguyện chịu ½ và được khấu

trừ vào số tiền 300.000 đồng anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003312 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh
(ĐKKH số 09/05-01-2016);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh